

Phụ lục IV

CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ

(Kèm theo Quyết định số 3506 /QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2023 của UBND thị xã Đông Triều)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Điểm thẩm định
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH	28		
1.1	Xây dựng các văn bản thực hiện công tác CCHC, văn bản chuyên đề về công tác CCHC theo mảng nội dung đơn vị phụ trách gắn với công tác chuyên môn: Đảm bảo đủ văn bản, đúng nội dung, đúng thời gian và thực hiện 100% nội dung quy định được 5 điểm; thiếu 1 văn bản trừ 0,5 điểm; nội dung không đảm bảo trừ 0,5 điểm/văn bản; không đúng thời gian trừ 0,5 điểm/văn bản; thiếu từ 2 văn bản trở lên hoặc nội dung không đảm bảo hoặc không đúng thời gian từ 03 văn bản trở lên: 0 điểm	5		
1.2	Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ, báo cáo chuyên đề theo số Kế hoạch 188/KH-UBND ngày 30/7/2021 của UBND thị xã về triển khai thực hiện Nghị quyết 05-NQ/TU ngày 09/4/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 09/01/2023 của UBND thị xã: Đầy đủ, đúng quy định được 6 điểm; thiếu 1 báo cáo trừ 0,5 điểm; chất lượng báo cáo không đảm bảo, không theo hướng dẫn trừ 0,5 điểm/báo cáo; báo cáo muộn hơn so với thời gian quy định trừ 0,5 điểm/báo cáo; Thiếu 03 báo cáo hoặc có 04 báo cáo nộp muộn hoặc chất lượng không đảm bảo từ 04 báo cáo trở lên: 0 điểm.	6		
1.3	Công tác tuyên truyền: Đảm bảo quy định được 3 điểm, trong đó: (1) Xây dựng Kế hoạch tuyên truyền CCHC phù hợp (1 điểm), không xây dựng kế hoạch: 0 điểm; (2) Có các hình thức tuyên truyền phù hợp, phối hợp tốt với cơ quan đơn vị liên quan thực hiện (1 điểm), Không thực hiện công tác tuyên truyền: 0 điểm; (3) báo cáo kết quả tuyên truyền riêng hoặc lồng ghép đầy đủ nội dung, đúng thời gian quy định được 1 điểm; Báo cáo chậm so với thời gian quy định 3 ngày được 0,5 điểm; Không báo cáo hoặc báo cáo chậm từ 3 ngày trở lên 0 điểm.	3		
1.4	Kiểm tra công tác cải cách hành chính: Đảm bảo quy định được 4 điểm, trong đó: (1) Xây dựng kế hoạch kiểm tra riêng hoặc lồng ghép được (1 điểm), không xây dựng: 0 điểm; (2) Tự tổ chức kiểm tra, có báo cáo kết quả kiểm tra (1 điểm); có tổ chức kiểm tra nhưng báo cáo chậm 5 ngày được 0,5 điểm; không tổ chức kiểm tra hoặc không báo cáo hoặc báo cáo chậm quá 5 ngày kết quả tự kiểm tra 0 điểm; (3) Chuẩn bị đầy đủ tài liệu liên quan phục vụ Đoàn công tác của tỉnh hoặc thị xã khi được kiểm tra (1 điểm), Không chuẩn bị tài liệu hoặc thiếu nhiều tài liệu để phục vụ công tác kiểm tra: 0 điểm; (4) kịp thời xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra (xử lý 100% đạt 1 điểm; xử lý từ 80% đến dưới 100% đạt 0,5 điểm, Xử lý dưới 80%: 0 điểm)	4		

1.5	Thực hiện sự năng động trong chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính (Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực tiếp chỉ đạo điều hành được 4 điểm; giao cho Phó Thủ trưởng chỉ đạo, điều hành được 3 điểm; giao cho viên chức chuyên môn được 2 điểm)	4		
1.6	Có sáng kiến, giải pháp mới trong cải cách hành chính được UBND tỉnh hoặc UBND thị xã phê duyệt (có từ 2 sáng kiến trở lên được 3 điểm; có 1 sáng kiến được: 2 điểm; không có sáng kiến: 0 điểm)	3		
1.7	Thực hiện các báo cáo khác liên quan đến công tác CCHC đầy đủ, đảm bảo nội dung và đúng thời gian quy định (theo dõi của Phòng Nội vụ, Văn Phòng HĐND và UBND thị xã) được 3 điểm; thiếu dưới 1 báo cáo được 2 điểm; thiếu từ 2 báo cáo được 1 điểm; thiếu trên 3 báo cáo: 0,5 điểm; thiếu trên 3 báo cáo: 0 điểm	3		
2	CẢI CÁCH THỂ CHẾ	6		
2.1	Tham gia ý kiến vào văn bản QPPL của Bộ, ngành Trung ương, của Tỉnh và thị xã: Tham gia đầy đủ, báo cáo đúng quy định được 3 điểm; tham gia đầy đủ nhưng có 01 báo cáo tham gia chậm 3 ngày được 2 điểm; tham gia đầy đủ nhưng có 01 báo cáo tham gia chậm 5 ngày so với thời gian quy định được 1 điểm; tham gia đầy đủ nhưng có 01 báo cáo tham gia chậm quá 5 ngày so với thời gian quy định hoặc không tham gia: 0 điểm)	3		
2.2	Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật thuộc phạm vi của cơ quan, đơn vị: Thực hiện đúng quy định được 3 điểm, trong đó: (1) Xây dựng kế hoạch tuyên truyền hằng năm đảm bảo đúng quy định (1 điểm); Xây dựng kế hoạch đạt 90% đến dưới 100% theo hướng dẫn được 0,5 điểm; Không xây dựng kế hoạch hoặc chất lượng không đảm bảo 0 điểm; (2) báo cáo đầy đủ, kịp thời được (2 điểm); báo cáo chậm 3 ngày được 1,5 điểm; báo cáo nhưng báo cáo chậm từ 3 đến 5 ngày được 1 điểm; báo cáo nhưng báo cáo chậm 7 ngày được 0,5 điểm; Không báo cáo hoặc báo cáo chậm quá 7 ngày được 0 điểm.	3		
3	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC	6		
3.1	Tổ chức hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của đơn vị: Thực hiện kịp thời, đúng quy định được 3 điểm; (1) Rà soát đề xuất cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của cơ quan khi có hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh và chỉ đạo của thị xã (thực hiện kịp thời, đúng quy định được 1,5 điểm; thực hiện đúng nhưng chậm so với thời gian quy định dưới 10 ngày được 1 điểm; thực hiện đúng nhưng chậm so với thời gian quy định từ 10 đến 15 ngày được 0,5 điểm; thực hiện chưa đúng hoặc chậm quá 15 ngày: 0 điểm); (2) Quy định chức năng nhiệm vụ của đơn vị khi có Quyết định hoặc Quy định lại chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu bộ máy của cơ quan có thẩm quyền (thực hiện kịp thời, đúng quy định được 1,5 điểm, thực hiện đúng nhưng chậm so với thời gian quy định dưới 10 ngày được 1 điểm; thực hiện đúng nhưng chậm so với thời gian quy định từ 10 đến 15 ngày được 0,5 điểm; thực hiện không đúng hoặc chậm quá 15 ngày: 0 điểm);	3		

3.2	Thực hiện Đề án tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND thị xã theo quy định: Xây dựng Đề án kịp thời được phê duyệt đạt 3 điểm; Xây dựng chậm hơn so với thời gian quy định 7 ngày được 2,5 điểm; Xây dựng chậm hơn so với thời gian quy định từ 7 đến dưới 10 ngày được 1 điểm; Xây dựng chậm hơn so với thời gian quy định từ 10 đến dưới 15 ngày được 0,5 điểm; Xây dựng chậm quá 15 ngày hoặc không xây dựng: 0 điểm	3		
4	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ	23		
4.1	Vị trí việc làm: Đúng quy định được 3 điểm, trong đó: (1) Thực hiện cập nhật, hoàn thiện quy định về vị trí việc làm của cơ quan (1,5 điểm); Cập nhật hoàn thiện chậm hơn thời gian quy định dưới 7 ngày được 1 điểm; Cập nhật hoàn thiện chậm hơn thời gian quy định từ 7 đến 10 ngày được 0,5 điểm; không cập nhật đầy đủ hoặc cập nhật chậm quá 10 ngày: 0 điểm; (2) Tiếp nhận, bố trí sử dụng công chức đúng theo vị trí việc làm đã được phê duyệt (100% thực hiện kịp thời, đúng quy định được 1,5 điểm; đúng từ 95%- dưới 100% được 1 điểm; đúng từ 90%- dưới 95% được 0,5 điểm; đúng dưới 90% được 0 điểm)	3		
4.2	Thực hiện kỷ luật kỷ, cương hành chính: Trong năm cơ quan, đơn vị không có cán bộ, viên chức, lãnh đạo bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên được 4 điểm; có 1 cán bộ, viên chức, lãnh đạo bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên được trở lên: 3 điểm; có 2 cán bộ, viên chức, lãnh đạo bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên được trở lên: 0 điểm	4		
5.3	Thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với CBCCVC (theo Luật phòng, chống tham nhũng; Nghị định số 59/2021/NĐ-CP; Nghị định số 134/2021/NĐ-CP): Đúng quy định được 3 điểm, trong đó: (1) Ban hành kế hoạch (1 điểm); không ban hành kế hoạch: 0 điểm; (2) Thực hiện kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác CBCCVC (1 điểm); không thực hiện chuyển đổi vị trí công tác: 0 điểm.	2		
4.3	Thực hiện giải quyết chế độ, chính sách cán bộ, viên chức theo quy định (thực hiện kịp thời, đúng quy định được 2 điểm; không kịp thời hoặc không đúng quy định: 0 điểm)	2		
4.4	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ, viên chức theo quy định của tỉnh và thị xã, có trình độ chuyên môn từ Đại học trở lên (100% đạt chuẩn được 3 điểm; mỗi cán bộ, viên chức không đạt chuẩn bị trừ 1 điểm; có từ 2 cán bộ, viên chức không đạt chuẩn trở lên: 0 điểm)	3		
4.5	Đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ trong năm: Đúng quy định được 3 điểm, trong đó: (1) Xây dựng kế hoạch và đăng ký đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ trong năm gửi về thị xã (1,5 điểm), Xây dựng kế hoạch gửi về thị xã chậm từ 5 đến 7 ngày được 1 điểm ; Xây dựng kế hoạch gửi về thị xã chậm từ 7 đến 10 ngày: 0,5 điểm; không xây dựng kế hoạch, hoặc xây dựng chậm 10 ngày 0 điểm; (2) Có báo cáo đúng quy định được (1,5 điểm); báo cáo chậm từ 3-5 ngày được 1 điểm, chậm từ 5-7 ngày được 0,5 điểm; không thực hiện báo cáo hoặc báo cáo chậm từ 7 ngày trở lên 0 điểm	3		

4.6	Thực hiện đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức: Theo đúng quy định, báo cáo nộp đúng hạn được 2 điểm; đánh giá đúng nhưng nộp muộn 2 ngày được 1,5 điểm; đánh giá đúng nhưng nộp muộn 3 ngày được 1 điểm; đánh giá đúng nhưng nộp muộn 4 ngày được 0,5 điểm; đánh giá không đúng hoặc không nộp báo cáo: 0 điểm)	2		
4.7	Kết quả thực hiện nhiệm vụ cán bộ, công chức (không tính những cán bộ bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên): 100% hoàn CBCCVC hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên: được 4 điểm; có 1 người hoàn thành nhiệm vụ được 1 điểm; Có 2 người hoàn thành nhiệm vụ được 2 điểm; Có từ 2 người hoàn thành nhiệm vụ trở lên hoặc có 1 người không hoàn thành nhiệm vụ trở lên: 0 điểm	4		
5	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	15		
5.1	Thực hiện chế độ công khai tài chính: Công khai đầy đủ, đúng quy định được 3 điểm; công khai đầy đủ, nhưng chậm so với quy định 3 ngày được 2 điểm; công khai đầy đủ, nhưng chậm so với quy định 5 ngày được 1,5 điểm; công khai đầy đủ, nhưng chậm so với quy định 7 ngày được 1 điểm; không công khai hoặc chậm so với quy định: 0 điểm)	3		
5.2	Xây dựng, sửa đổi Quy chế chi tiêu nội bộ: Có xây dựng, sửa đổi và bổ sung kịp thời phù hợp được 3 điểm; Xây dựng, sửa đổi, bổ sung nhưng muộn hơn quy định 3 ngày được 2 điểm; Xây dựng, sửa đổi, bổ sung nhưng muộn hơn quy định 5 ngày được 1 điểm; không xây dựng, sửa đổi, bổ sung hoặc phát hành muộn hơn quy định: 0 điểm)	3		
5.3	Bổ sung thu nhập tăng thêm cho cán bộ, viên chức tính bình quân theo mức lương cơ sở/người/tháng (bằng 1 lần trở lên được 4 điểm; từ 0,8 đến dưới 1 lần được 4 điểm; từ 0,5 đến dưới 0,8 được 3 điểm, từ 0,3 đến dưới 0,5 được 2 điểm; từ 0,1 đến dưới 0,3 được 1 điểm; dưới 0,1 được 0 điểm)	4		
5.4	Quản lý, sử dụng tài sản công: Đúng quy định được 5 điểm, trong đó: (1) Ban hành quy chế sử dụng đúng quy định (1,5 điểm), ban hành chậm 5 ngày được 1 điểm; ban hành chậm 7 ngày được 0,5 điểm; không ban hành hoặc ban hành chậm quá 7 ngày: 0 điểm; (2) Sửa đổi bổ sung kịp thời nếu có quy định mới hoặc có văn bản yêu cầu sửa đổi bổ sung (1,5 điểm); sửa đổi, bổ sung quy chế chậm 5 ngày được 1 điểm; sửa đổi, bổ sung quy chế chậm 7 ngày được 0,5 điểm, Không sửa đổi, bổ sung hoặc sửa đổi bổ sung chậm 7 ngày: 0 điểm; (3) Tổ chức kiểm tra thực hiện quản lý sử dụng tài sản công (2 điểm), Không kiểm tra: 0 điểm.	5		
6	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ	12		
6.1	Thực hiện quy trình giải quyết nhiệm vụ, công việc trên phần mềm quản lý (nhận, giao việc, kết quả...), (thực hiện từ 95%-100% nhiệm vụ được 5 điểm; từ 90%- dưới 95% nhiệm vụ được 4 điểm; từ 85%-dưới 90% nhiệm vụ được 3 điểm; từ 80%-dưới 85% nhiệm vụ được 2 điểm; từ 75%-dưới 80% nhiệm vụ được 1 điểm; từ 70%-dưới 75% nhiệm vụ được 0,5 điểm; và dưới 70% nhiệm vụ: 0 điểm.	5		

6.2	Thực hiện việc sử dụng chữ ký số đối với các văn bản phát hành trên tổng số văn bản: Từ 95-100% được 5 điểm; từ 90 - dưới 95% được 4 điểm; từ 85%- dưới 90% được 3 điểm; từ 75 - dưới 85% được 2 điểm; từ 65 - dưới 75% được 1 điểm; dưới 65 được 0 điểm.	5		
6.3	Cung cấp thông tin (về tên cơ quan, trụ sở, địa chỉ cơ quan, chức năng nhiệm vụ cơ quan, cơ cấu tổ chức...) cho cơ quan chức năng để đăng tải trên cổng thông tin thị xã và cổng thông tin thành phần của tỉnh): Đầy đủ, kịp thời được 2 điểm; không kịp thời, thiếu thông tin được 0 điểm	2		
7	ĐIỂM THƯỞNG	10		
7.1	Kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị năm của cơ quan, đơn vị đánh giá thông qua các thành tích khen thưởng (chỉ tính đến thời điểm đánh giá trong năm); cấp Trung ương (Huân chương, Huy chương, cờ thi đua của Chính phủ... được 5 điểm; Cờ, Bằng khen UBND tỉnh hoặc Bằng khen của Bộ chuyên ngành được 4 điểm; Giấy khen của UBND thị xã được 3 điểm)	5		
7.4	Các cơ quan, đơn vị tự đánh giá chấm điểm và nộp báo cáo: Thực hiện đúng quy định được 5 điểm, trong đó: (1) Chất lượng, nội dung tài liệu kiểm chứng gửi kèm báo cáo đầy đủ, chính xác đảm bảo từ 95% trở lên được (3 điểm); từ 90% đến dưới 95% được 2 điểm, từ 85 đến dưới 90% được 1,5 điểm, Từ dưới 85% được 1 điểm; (2) Nộp sớm hơn thời gian quy định, đảm bảo chất lượng sai số không quá 5% so với kết quả thẩm định: Sớm hơn 2 ngày được (2 điểm), sớm hơn 1 ngày được 1 điểm, nộp đúng ngày được 0,5 điểm, nộp quá hạn: 0 điểm)	5		
	TỔNG ĐIỂM	100		